

Số: /BC-SYT

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 của Quốc hội giai đoạn 2013 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Vụ Bảo hiểm Y tế - Bộ Y tế

Thực hiện Công văn số 5799/BYT-BH ngày 28/8/2025 của Bộ Y tế về việc tổng kết và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 của Quốc hội giai đoạn 2013-2025;

Thực hiện Công văn số 2466/UBND-KGVX ngày 29/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tổng kết và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 của Quốc hội giai đoạn 2013-2025.

Sở Y tế Thái Nguyên đã phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh và một số đơn vị có liên quan thực hiện tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT tiến tới BHYT toàn dân trong giai đoạn 2013-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 68/2013/QH13 THEO CÁC NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRONG NGHỊ QUYẾT

1. Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện

1.1. Các văn bản chỉ đạo thực hiện Luật BHYT của địa phương

Ngày 29/11/2013, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 68/2013/QH13 về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật BHYT, tiến tới BHYT toàn dân, trong đó xác định rõ mục tiêu: "*Bảo đảm đến năm 2015 có ít nhất 75% dân số tham gia BHYT và năm 2020 đạt ít nhất 80% dân số tham gia BHYT*". Để triển khai Nghị quyết số 68/2013/QH13 về phát triển đối tượng tham gia BHYT, ngày 14/9/2015 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1584/QĐ-TTg về việc giao chỉ tiêu thực hiện BHYT giai đoạn 2015-2020 cho từng địa phương, với mục tiêu năm 2015 phải đạt 75,4% dân số tham gia BHYT và năm 2020 đạt 84,3% dân số tham gia BHYT, tiếp đó, ngày 28/6/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1167/QĐ-TTg về điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện BHYT giai đoạn 2016-2020; theo đó, năm 2016 là 79% dân số tham gia BHYT và đến năm 2020 là 90,7% dân số tham gia BHYT; đến nay thực hiện Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022-2025 ; theo đó, năm 2022 là 92,60% dân số tham gia BHYT và đến năm 2025 là 95,15% dân số tham gia BHYT.

Đồng thời, thực hiện triển khai Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15; Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; các Thông tư hướng dẫn thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (KBCB BHYT); Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT; Thông tư số 14/2016/TT-BYT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH thuộc lĩnh vực y tế.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Kạn (cũ) và tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai kịp thời ngay từ khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 68/2013/QH13, Luật Bảo hiểm y tế, các Nghị định hướng dẫn và Thông tư có hiệu lực; Sở Y tế đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội và các Sở, ban ngành liên quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn, theo đó quyền lợi BHYT của người dân được đảm bảo kịp thời, tạo hành lang pháp lý bảo đảm quyền lợi của người tham gia BHYT và tính bền vững của quỹ BHYT để thực hiện mục tiêu BHYT toàn dân, cụ thể như sau: *(Danh mục văn bản - phụ lục 1 kèm theo)*.

UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban; chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã. Qua đó, thống nhất chỉ đạo thực hiện đối với công tác BHXH, BHYT nói chung và tổ chức thực hiện chính sách BHYT nói riêng trên địa bàn.

UBND trình HĐND cùng cấp thông qua chỉ tiêu thực hiện BHYT toàn dân trong chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của địa phương; chỉ đạo Sở Y tế và các Sở, ngành có liên quan xây dựng Kế hoạch và giải pháp triển khai thực hiện để đạt chỉ tiêu bao phủ BHYT được giao.

1.2. Văn bản quy định, hướng dẫn về xác định đối tượng, lập danh sách, hỗ trợ mức đóng cho các nhóm đối tượng: người nghèo, cận nghèo, học sinh sinh viên...

Thực hiện quy định của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ, tỉnh Bắc Kạn (cũ) và tỉnh Thái Nguyên (cũ) đã ban hành và thực hiện hỗ trợ tăng thêm mức đóng BHYT từ ngân sách tỉnh cho các đối tượng chính sách theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh cụ thể gồm:

+ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 06/8/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

+ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt bảo hiểm y tế) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

+ Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người thuộc hộ gia đình nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (thay thế Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 06/8/2013 và Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018).

+ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định tại Nghị định số: 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ;

+ Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định tại Nghị quyết số: 40/NQ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ cho đối tượng thuộc hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác từ năm 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

+ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định mức hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định tại nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ (thay thế Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 và Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Hỗ trợ thêm kinh phí cho các đối tượng tham gia BHYT

UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo Sở Y tế chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các Nghị quyết hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định của Chính phủ. Theo đó, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn (nay là tỉnh Thái Nguyên mới), các đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh gồm các đối tượng sau:

+ *Người thuộc hộ gia đình cận nghèo* theo tiêu chí chuẩn cận nghèo tại quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Người thuộc hộ gia đình nghèo không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đã được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế (70% kinh phí từ ngân sách Trung ương và 30% ngân sách tỉnh Thái Nguyên cũ).

+ *Người thuộc hộ gia đình cận nghèo* theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% mức đóng bảo hiểm y tế (70% kinh phí từ ngân sách Trung ương và 10% ngân sách tỉnh Bắc Kạn).

+ *Người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều* được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế (70% kinh phí từ ngân sách Trung ương và 30% ngân sách tỉnh Bắc Kạn).

+ *Học sinh, sinh viên* được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế (30% kinh phí từ ngân sách Trung ương và 20% ngân sách tỉnh Bắc Kạn).

+ *Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ* được ngân sách nhà nước hỗ trợ 40% mức đóng bảo hiểm y tế (30% kinh phí từ ngân sách Trung ương và 10% ngân sách tỉnh Bắc Kạn).

+ Bên cạnh đó, đối tượng *Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở* tỉnh đã ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập và Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; một số mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 trong đó quy định mức hỗ trợ hàng tháng (bao gồm cả hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện và BHYT); trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 trong đó quy định Hỗ trợ 100% kinh phí đóng BHYT cho người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo mức đóng BHYT hộ gia đình khi tham gia BHYT.)

+ Ngoài ra, HĐND tỉnh ban hành một số Nghị quyết quy định về chính sách BHYT đối với *cán bộ không chuyên trách cấp xã, cấp thôn, tổ dân phố* làm cơ sở thực hiện chế độ BHYT trên địa bàn như: Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 29/4/2014 quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 sửa đổi Khoản 5, Điều 4, Nghị quyết 06/2014/NQ-HĐND tỉnh ngày 29/4/2014, theo đó, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng BHYT bằng 03% mức lương tối thiểu chung - lương cơ sở (trừ những trường hợp đã được hưởng chế độ BHYT theo quy định của pháp luật). Tuy nhiên, ngày 17/7/2018, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (thay thế NQ 06/2014/NQ-HĐND ngày 29/4/2014 và NQ 11/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014), không còn chính sách hỗ trợ đóng BHYT đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; đến ngày 28/3/2024, HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (trong đó quy định Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế do cá nhân tự đóng theo quy định).

Hàng năm, các sở, ngành, đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ với cơ quan BHXH hướng dẫn các đơn vị rà soát, xác định đối tượng tham gia BHYT, cụ

thẻ: Sở Lao động-TB&XH tổ chức điều tra, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình để làm cơ sở xác định đối tượng tham BHYT; rà soát, lập danh sách cấp thẻ BHYT cho các đối tượng chính sách xã hội; Trên cơ sở kết quả phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, UBND các xã, phường thực hiện lập danh sách đăng ký tham gia BHYT tại địa phương; các cơ sở giáo dục, trường học phối hợp quản lý, lập danh sách cấp thẻ BHYT cho học sinh, sinh viên... Qua đó, công tác cấp thẻ BHYT được triển khai thực hiện theo đúng quy định với 100% người tham gia BHYT được cấp thẻ BHYT đầy đủ (*bảng số liệu tại phụ lục 2 kèm theo*).

Thực hiện các chính sách về BHYT do HĐND tỉnh quy định, cơ quan BHXH đã triển khai, hướng dẫn đến các nhóm người tham gia; hướng dẫn, thực hiện việc thu BHYT theo mức hỗ trợ quy định. Sở Tài chính đã thực hiện việc chuyển kinh phí hỗ trợ đóng BHYT cho người tham gia đầy đủ, kịp thời. Theo thống kê tổng ngân sách địa phương hỗ trợ cho các đối tượng (người thuộc hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên; người làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) của hai tỉnh (Bắc Kạn và Thái Nguyên) trong năm 2024 là: 4.780 triệu đồng.

Như vậy, trên địa bàn tỉnh nhiều đối tượng đã được quan tâm hỗ trợ chính sách mua thẻ BHYT góp phần duy trì và đảm bảo chỉ tiêu bao phủ BHYT trên địa bàn tỉnh được Chính phủ giao.

Hiện nay, thực hiện Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022-2025 (*tỉnh Thái Nguyên là 95,25%, tỉnh Bắc Kạn là 97%*); và Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT, tại điểm e, Khoản 10, Điều 71, Nghị định 188/2025/NĐ-CP quy định:

“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này”.

UBND tỉnh Thái Nguyên (mới) đã giao cho Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đầu tư Trạm y tế xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Trong giai đoạn 2013 - 2025, hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế. Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư, các Bệnh viện, Trung tâm Y tế và Trạm Y tế tiếp tục được quan tâm, đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và quy mô giường bệnh. Hiện nay,

100% các Trạm Y tế được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đảm bảo thực hiện công tác chuyên môn; 100 % trạm y tế xã có bác sỹ làm việc; 100% các cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh đã kết nối thanh toán với công giám định điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Tiếp tục duy trì và nâng cao xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 và Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. Đến nay 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030.

Là một trong 13 tỉnh được thụ hưởng dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” (triển khai trên địa bàn các đơn vị phía Bắc - tỉnh Bắc Kạn cũ); Dự án thực hiện từ năm 2020 - 2024 mang lại nhiều lợi ích thiết thực như: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 39 công trình Trạm Y tế; cung cấp 78 danh mục thiết bị y tế cho 108 trạm y tế; Hỗ trợ công tác đào tạo, tập với nhiều nội dung như Quản lý trạm Y tế, triển khai bảng kiểm chất lượng dịch vụ tại trạm y tế, tăng huyết áp, đái tháo đường, xử trí lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh, sàng lọc ung thư cổ tử cung, lao, COPD; phương pháp và kỹ năng truyền thông về phòng, chống bệnh không lây nhiễm tại tuyến y tế cơ sở cho đội ngũ y tế của các Trung tâm Y tế, Trạm Y tế tuyến xã; kỹ năng đỡ đẻ cho đội ngũ nhân viên y tế thôn bản,... Triển khai thực hiện Bảng điểm chất lượng dịch vụ Trạm y tế tại 100 % các xã, phường trong khuôn khổ Dự án, nhờ đó, góp phần cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ nhân viên y tế cơ sở.

3. Giảm tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến tỉnh

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bệnh viện và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế đối với người bệnh; đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế các huyện/thành phố, Trạm y tế xã; triển khai các dịch vụ kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật; rà soát, hoàn thiện và ban hành các quy trình chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho đội ngũ công chức, viên chức y tế; xây dựng phong cách phục vụ văn minh, thân thiện; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT tại 100% cơ sở khám chữa bệnh; tổ chức, sắp xếp lại quy trình tiếp đón, hướng dẫn người bệnh.

- Thực hiện thẩm định và cấp giấy phép hoạt động cho các phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân trên địa bàn theo đúng quy định góp phần giảm tải cho cơ sở y tế công lập.

- Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh luôn đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng cũng như trong công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh; hoạt động được lâm sàng, thông tin thuốc

được quan tâm, triển khai thực hiện góp phần quan trọng vào việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và đạt hiệu quả cao. Các cơ sở khám, chữa bệnh công lập đã thành lập Tổ thông tin thuốc, Tổ Giám sát theo dõi phản ứng có hại của thuốc, thường xuyên thực hiện theo dõi, gửi báo cáo ADR về Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc và Sở Y tế theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác phát triển y dược cổ truyền, đẩy mạnh kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe.

4. Hoàn thành việc chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế

- Giai đoạn trước đây (trước 2015) kinh phí chi thường xuyên (lương, phụ cấp, chi hoạt động thường xuyên) được ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho các cơ sở KCB.

- Hiện nay, ngân sách nhà nước chủ yếu hỗ trợ trực tiếp cho người dân tham gia BHYT, thay vì cấp chi thường xuyên cho đơn vị. Các cơ sở KCB BHYT được thanh toán chi phí khám chữa bệnh từ quỹ BHYT theo số lượng người bệnh và dịch vụ thực hiện.

- Các đơn vị đã áp dụng mức giá dịch vụ khám chữa bệnh BHYT theo các quy định tại Thông tư của Bộ Y tế, Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các khoản chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý đã được từng bước tính vào giá dịch vụ. Qua đó, giảm dần sự phụ thuộc vào NSNN, tạo động lực nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Nguồn thu chủ yếu hiện nay đến từ quỹ BHYT thanh toán. Nguồn ngân sách nhà nước chỉ còn tập trung cho một số nhiệm vụ đặc thù: chương trình y tế - dân số, phòng chống dịch, y tế dự phòng và đầu tư cơ sở hạ tầng. Các đơn vị đã từng bước cân đối thu - chi, tiết kiệm chi phí, đồng thời vẫn bảo đảm quyền lợi khám chữa bệnh cho người dân có thẻ BHYT.

Việc chuyển đổi cơ chế tài chính đã giúp đơn vị chủ động hơn trong hoạt động chuyên môn, gắn trách nhiệm chất lượng dịch vụ với nguồn thu từ BHYT, đồng thời góp phần thúc đẩy bao phủ BHYT toàn dân trên địa bàn.

Tuy nhiên, triển khai cơ chế tự chủ tài chính, cơ sở KCB còn gặp khó khăn do còn nhiều bất cập trong thực hiện chính sách, mức lương cơ sở tăng nhưng giá dịch vụ y tế chưa tính đúng, tính đủ...

5. Chấn chỉnh, nâng cao y đức và chất lượng khám, chữa bệnh

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo Sở Y tế thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tại địa phương như tổ chức các Hội nghị chuyên đề và lồng ghép trong các cuộc họp giao ban hàng tháng bàn giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; ưu tiên bố trí các nguồn kinh phí để đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, nhất là đối với tuyến y tế cơ sở; chỉ đạo tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đa dạng các hình thức

đào tạo và cơ sở gửi đi đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ y bác sĩ, nhân viên y tế vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ, từng bước bổ sung số lượng bác sĩ chuyên khoa, nhất là đối với những chuyên khoa hiện đang còn thiếu bác sĩ, đồng thời có giải pháp nâng cao tay nghề, kinh nghiệm cho số bác sĩ trẻ mới ra trường; chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện tốt mô hình bệnh viện vệ tinh để tranh thủ sự hỗ trợ về chuyên môn của bệnh viện tuyến trên, chuyển giao kỹ thuật và nâng cao trình độ bác sĩ của tỉnh; đẩy mạnh và mở rộng các dịch vụ y tế tự nguyện tại các cơ sở y tế (nhất là Bệnh viện đa khoa tỉnh), mời các chuyên gia đầu ngành, bác sĩ giỏi của tuyến trên về thực hiện khám chữa bệnh tự nguyện để nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, hạn chế chuyển tuyến và tăng nguồn thu cho bệnh viện.

Xác định y đức và chất lượng dịch vụ là yếu tố then chốt để nâng cao uy tín và niềm tin của người dân. Công tác khám chữa bệnh BHYT được quan tâm duy trì và triển khai có hiệu quả; 100% các cơ sở khám chữa bệnh công lập đều đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT; 100% người bệnh có thẻ BHYT khi đi khám chữa bệnh đúng tuyến đều được đảm bảo đầy đủ quyền lợi theo quy định hiện hành.

Từ ngày 01/07/2016, thực hiện liên thông dữ liệu điện tử KCB BHYT giữa cơ sở KCB lên Cổng thông tin Giám định điện tử ngành BHXH đã mang lại hiệu quả cao trong công tác giám định BHYT. Việc kết nối dữ liệu hàng ngày giúp quản lý KCB thông tuyến chặt chẽ, hạn chế tình trạng lạm dụng như: người bệnh đi KCB nhiều lần tại nhiều cơ sở KCB trong cùng một thời điểm; Kê đơn trùng lặp thuốc giữa các cơ sở KCB... Ngoài ra, BHXH tỉnh thường xuyên ứng dụng phần mềm giám sát, nhằm phát hiện sự gia tăng chi phí bất thường tại các cơ sở KCB, kịp thời thông báo đến Sở Y tế, cơ sở KCB trên địa bàn để tiến hành kiểm tra, chấn chỉnh, khắc phục... Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám định, tăng cường giám sát, kiểm soát việc sử dụng quỹ KCB BHYT trên địa bàn đảm bảo đúng quy định, không để xảy ra tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT.

Việc sử dụng quỹ KCB BHYT tại các cơ sở KCB trên địa bàn được thực hiện theo quy định tại Luật BHYT, các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế và BHXH Việt Nam. Việc ký hợp đồng KCB BHYT và thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT giữa các cơ sở KCB với cơ quan BHXH tỉnh được thực hiện đảm bảo đúng quy định của Luật BHYT, Nghị định và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên (mới) là một trung tâm vùng về y tế, trên địa bàn có mạng lưới cơ sở y tế phát triển, tập trung đông, có nhiều chuyên khoa sâu và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật cao với 01 bệnh viện hạng đặc biệt (cấp chuyên sâu trước 01/7/2025 là tuyến Trung ương); 07 bệnh viện cấp cơ bản (trước 01/7/2025 là tuyến tỉnh và tương đương); 27 cơ sở cấp cơ bản (trước 01/7/2025 là tuyến huyện và tương đương); 12 cơ sở cấp ban đầu (là phòng khám đa khoa và tương đương), 180 cơ sở cấp ban đầu (là trạm y tế tuyến xã) và 07 cơ sở cấp ban đầu (là các trạm y tế cơ quan, đơn vị trường học) đủ điều kiện đăng ký KCB BHYT ban đầu và thực hiện khám, chữa bệnh BHYT trên địa bàn.

Ngành y tế đã triển khai sử dụng ứng dụng VneID, CCCD gắn chip điện tử để thay thế thẻ BHYT trong KCB BHYT. Sổ sức khỏe điện tử toàn dân trên

nền tảng ứng dụng VNeID, dựa trên định dạng chuẩn dữ liệu KBCB BHYT, liên thông qua hạ tầng CNTT của BHXHVN là cơ hội lớn cho ngành y tế, tạo điều kiện cho các cơ sở KBCB cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe phục vụ người dân được tốt hơn.

6. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và bảo hiểm y tế

Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo về BHYT đã được 02 ngành Y tế và BHXH thực hiện thường xuyên; hai ngành đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát liên ngành việc tổ chức khám bệnh, chữa bệnh người có thẻ BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Định kỳ 06 tháng hàng năm Sở Y tế và BHXH tỉnh đều tổ chức giao ban liên ngành để thống nhất tháo gỡ kịp thời những khó khăn, bất cập trong việc thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó trong quá trình thẩm định vượt trần, vượt quỹ đoàn công tác (gồm Sở Y tế và BHXH tỉnh) tại các cơ sở khám chữa bệnh đoàn đã tiến hành kiểm tra xác suất một số bệnh án điều trị nội trú, đơn thuốc điều trị ngoại trú tại các cơ sở KCB nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các chỉ định thuốc, dịch vụ cần lâm sàng chưa phù hợp với hướng dẫn quy trình kỹ thuật hiện hành của Bộ Y tế.

Trong quá trình kiểm tra, giám sát không phát hiện các hành vi gian lận, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc thu hồi kinh phí khám chữa bệnh về quỹ BHYT là do các cơ sở KCB đề nghị quyết toán chưa đúng quy định như: Áp sai số ngày điều trị nội trú, cấp thuốc cho người bệnh nhưng không cập nhật đầy đủ và số KCB A1/YTCS của Trạm Y tế, thời gian chỉ định và ra y lệnh của một số y, bác sỹ tại một Trạm Y tế xã không trung khớp với thời gian có mặt tại đơn vị (theo bảng chấm công của một số trạm), không sử dụng hết định mức găng tay, kim châm,... theo kết cấu giá dịch vụ y tế đã được Bộ Y tế phê duyệt.

Với nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, được giao, tính từ năm 2013 đến năm 2025, các sở, ngành đã phối hợp tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra, trong đó thanh tra, kiểm tra Liên ngành (đơn vị phối hợp liên ngành: Sở Lao động TB-XH; Thanh tra tỉnh; Sở Y tế; Liên đoàn lao động tỉnh...) theo đúng quy định của pháp luật, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các trường hợp sai sót.

Cơ quan BHXH thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc đôn đốc các đơn vị sử dụng lao động (SDLĐ) tham gia đầy đủ và đóng nộp tiền đóng BHYT kịp thời, không chậm đóng gây ảnh hưởng đến quyền lợi, chế độ BHYT của NLĐ; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tốt chính sách BHYT, kiểm tra, giám sát việc sử dụng quỹ KCB BHYT tại các cơ sở KCB BHYT, đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả, phòng chống lạm dụng, trục lợi quỹ, từ đó đảm bảo tốt nhất quyền lợi người tham gia và thụ hưởng chế độ BHYT.

7. Tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, tham gia bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân

Hàng năm, UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước về BHYT; tổ chức triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam liên quan đến chính sách pháp luật về BHYT trên địa bàn; đưa chỉ tiêu bao phủ BHYT là một trong các chỉ tiêu chính trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn và từng năm; thường xuyên chỉ đạo Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế, UBND các cấp nâng cao kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật về BHYT của người dân và đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác BHYT, góp phần tạo nguồn tài chính để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT.

Công tác tuyên truyền luôn được các cấp, các ngành xác định là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu để thực hiện thành công chính sách BHYT và được triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp từng nhóm đối tượng, cụ thể: Các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông đại chúng đã tập trung thông tin và tuyên truyền theo hướng nhấn mạnh vị trí, vai trò, ý nghĩa của BHYT trong hệ thống an sinh xã hội; đề cao nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người dân trong tham gia BHYT; phát hiện những bất cập, giới thiệu các điển hình, phê phán những hiện tượng lệch lạc... trong thực hiện BHYT.

Cùng với việc tham mưu đề xuất Tỉnh ủy, HĐND-UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành việc thực hiện các chính sách BHXH, BHYT, BHTN tỉnh tích cực chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành xây dựng và ký kết Quy chế phối hợp công tác (BHXH tỉnh đã ký kết quy chế phối hợp với các đơn vị: Sở Lao động-TB&XH, Sở Y tế, Sở Giáo dục &ĐT, Sở Thông tin truyền thông, Cục Thuế, Công an tỉnh, Thi hành án tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh, Ngân hàng Nhà nước và một số Ngân hàng thương mại...) nhằm tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt chính sách pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn.

Mở chuyên mục đăng tin, bài trên Báo Thái Nguyên, Bản tin thông báo nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh. Phối hợp với Đài Truyền hình Trung ương, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh xây dựng các phóng sự, chuyên đề phát trên sóng đài. Tổ chức nhiều cuộc hội thảo, đối thoại chính sách BHXH, BHYT tại các trường học, khu công nghiệp... đồng thời chỉ đạo BHXH các huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương; phối hợp với các phòng, ban, tổ chức đoàn thể cấp huyện và các xã, phường triển khai nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp trên địa bàn.

Hàng năm, ngành BHXH tích cực phối hợp tuyên truyền với các cơ quan, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị phổ biến chính sách BHXH, BHYT cho người lao động và người sử dụng lao động, cuộc thi tìm hiểu pháp luật về BHXH, BHYT, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ các quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác BHYT; thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn; tuyên truyền chính sách pháp luật BHYT thông qua hội nghị báo cáo viên các cấp, hội nghị chuyên đề... phát hành các ấn phẩm, tờ rơi, áp phích, băng rôn tuyên truyền về BHYT hộ gia đình, BHYT học sinh, sinh viên tới cơ sở và các trường học; trên tập san, cổng thông tin điện tử của sở, ngành để tuyên truyền.

Đến hết ngày 31/12/2024, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 96,98% (tỉnh Bắc Kạn cũ); đạt 95,03% (tỉnh Thái Nguyên cũ); Tuy nhiên, hiện nay theo số liệu thống kê đến 30/6/2025, tổng số người tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mới là 1.593.584 người, Dân số dự ước là: 1.711.576 người; như vậy tỷ lệ bao phủ BHYT mới đạt 93,1%; chỉ tiêu này đạt thấp hơn so với chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 (*tỉnh Thái Nguyên là 95,25%, tỉnh Bắc Kạn là 97%*).

Nguyên nhân chưa đạt tỷ lệ bao phủ BHYT: Do ảnh hưởng bởi Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ tới người dân ở xã trước đây được hưởng chính sách hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước cấp thẻ BHYT; do thu nhập của một bộ phận người lao động khó khăn, không ổn định, một số người tham gia BHYT theo hộ gia đình khi đáo hạn chưa tham gia lại; nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản trước đây chưa có chính sách hỗ trợ đóng BHYT và nhóm người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; cụ thể: Theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; tại Điều 3, quy định: *Các xã khu vực III, Khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là khu vực I và thôi hưởng chính sách áp dụng đối với các xã khu vực II, khu vực III kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.*

Để chính sách không bị ngắt quãng, kịp thời hỗ trợ các đối tượng yếu thế, ngày 19/10/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT. Theo đó, từ tháng 12/2023, *“Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”* tiếp tục được hỗ trợ mua BHYT với mức tối thiểu 70%. Tuy nhiên, không ít người dân lại đang khó khăn với việc đóng 30% kinh phí còn lại. Mặt khác, chính sách hỗ trợ chỉ có hiệu lực 36 tháng, tính từ ngày Nghị định 75/2023/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 03/12/2023). Sau thời gian trên, đồng bào DTTS ở những địa bàn đã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn phải tự tham gia BHYT hoặc được hỗ trợ từ một chính sách khác (nếu có).*(theo thống kê từ cơ quan BHXH, trong 6 tháng đầu năm 2025, số đối tượng tham gia BHYT hộ gia đình tại tỉnh*

Bắc Kạn cũ giảm hơn 1.500 người so với năm 2024; số người tham gia BHYT DTTS (NĐ75) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giảm 6.728 người so với năm 2024; trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cũ giảm 5.865 người so với năm 2024).

Theo đó, các đối tượng quy định tại điểm b, đ và e khoản 6, Điều 6, Nghị định 188/2025/NĐ-CP phù hợp với các đối tượng đang được hỗ trợ tại Nghị quyết của HĐND tỉnh; đồng thời, xem xét đề xuất hỗ trợ thêm một số đối tượng quy định tại điểm c (*Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn*) và điểm d (*Nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người*) điểm đ (*Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; Nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn bản; Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật; Người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa*) khoản 6, Điều 6, Nghị định 188/2025/NĐ-CP nhằm tăng số người tham gia BHYT trên địa bàn.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật BHYT

Bên cạnh những kết quả đạt được việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013 đến nay còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế sau:

- **Về đối tượng tham gia BHYT:** Mặc dù là tỉnh có tỷ lệ bao phủ BHYT cao so với mặt bằng chung của toàn quốc, tuy nhiên hầu hết người tham gia BHYT do nguồn Ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí mua thẻ BHYT do đó chưa có tính bền vững; một bộ phận người dân, nhất là lao động tự do, người thuộc hộ nông nghiệp, lâm nghiệp có thu nhập không ổn định còn gặp khó khăn trong việc duy trì tham gia BHYT; đối tượng người thuộc hộ gia đình còn tình trạng gián đoạn tham gia BHYT và nhất là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn còn hạn chế số người tham gia lại khi không được ngân sách hỗ trợ 100% mức đóng BHYT và có nhiều trường hợp cũng gặp khó khăn khi phải tự tham gia BHYT với mức đóng 30%.

- **Cơ sở vật chất** tại một số Bệnh viện, Trung tâm y tế và Trạm y tế xã xuống cấp nhiều chưa được đầu tư xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp. **Thiết bị y tế** phục vụ cho khám, chữa bệnh còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là các thiết bị y tế hiện đại, theo đó đã ảnh hưởng đến chất lượng khám bệnh, chữa bệnh ban đầu nhất là trong giai đoạn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh, chữa bệnh và triển khai Bệnh án điện tử.

- **Giá dịch vụ khám chữa bệnh BHYT** thường xuyên thay đổi (từ năm 2015-2023 đã ban hành 06 Thông tư liên quan đến việc điều chỉnh giá dịch vụ, cụ thể là: Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015; Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018; Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018; Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 30/7/2019; Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 Quy định thống nhất giá dịch vụ KCB

BHYT giữa bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp, do vậy các cơ sở khám chữa bệnh gặp rất nhiều khó khăn trong việc áp giá.

- Từ năm 2015 đến nay, theo sự chỉ đạo chung của Chính phủ ngành y tế đồng loạt triển khai phần mềm quản lý khám chữa bệnh BHYT và thanh toán chi phí KCB BHYT do vậy bước đầu gặp rất nhiều khó khăn như kỹ năng sử dụng phần CNTT của viên chức y tế còn hạn chế, danh mục dùng chung liên quan đến việc thanh toán, giám định chi phí KCB BHYT Bộ Y tế ban hành chậm so với lộ trình triển khai ứng dụng CNTT do vậy thường xuyên thiếu, không đồng bộ và vướng mắc nhiều.

- Hệ thống CNTT liên thông dữ liệu BHYT đôi khi bị lỗi, chậm trễ, do hạ tầng chưa đồng bộ.

- Công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật bảo hiểm y tế trên địa bàn chưa được sâu rộng.

2. Nguyên nhân

- Một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT, nhất là phát triển đối tượng tham gia BHYT. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thực sự quyết liệt trong thực hiện các chính sách, pháp luật về BHYT, nhất là việc vận động các hộ gia đình tham gia BHYT.

- Hoạt động tuyên truyền về BHYT chưa có chiều sâu tới từng nhóm đối tượng, từ đó chưa làm chuyển đổi được nhận thức của các đối tượng ở vùng nông thôn do đó hiệu quả chưa cao; mạng lưới tuyên truyền viên tại các cộng đồng dân cư còn thiếu.

- Một số người sử dụng lao động, người lao động trong các doanh nghiệp và một bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về chính sách BHYT, thực thi pháp luật về BHYT chưa nghiêm.

- Nhu cầu chăm sóc của người dân ngày càng tăng về số lượng và chất lượng trong khi khả năng đầu tư cho ngành y tế còn hạn chế; Thiếu kinh phí đầu tư xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp và mua sắm bổ sung thiết bị y tế cho các Bệnh viện, Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế.

- Một số văn bản hướng dẫn thanh toán, quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT giữa Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam chưa có sự đồng nhất, do đó các địa phương gặp khó khăn trong triển khai, thực hiện.

IV. GIẢI PHÁP

- Tiếp tục tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc chấp hành pháp luật về BHYT đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong tham mưu hỗ trợ kinh phí tham gia BHYT cho một số đối tượng từ nguồn ngân sách và tổ chức thực hiện tốt các chế độ chính sách BHYT.

- Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; nâng cao năng lực tham mưu quản lý nhà nước về BHYT; tăng cường sự phối hợp trong tổ chức thực hiện chính sách BHYT, đảm bảo thường xuyên, hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách, chế độ về BHYT đến đông đảo người lao động và nhân dân. Tích cực vận động, phát triển người tham gia BHYT, đạt các mục tiêu BHYT toàn dân theo chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHYT; thanh toán chi phí KCB BHYT đúng quy định. Thực hiện tốt công tác cấp phát thẻ BHYT và đảm bảo nguồn kinh phí đóng, hỗ trợ đóng BHYT theo quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về BHYT.

- Tích cực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực cho các cơ sở y tế, đặc biệt là tuyến y tế xã, phường, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục, quy định trong thanh toán khám, chữa bệnh BHYT theo hướng thuận lợi cho người bệnh và bệnh viện, nâng cao chất lượng KCB BHYT trên địa bàn.

- Quản lý tốt quỹ BHYT, Kiểm soát việc gia tăng chi phí KCB, ngăn ngừa tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ KCB BHYT. Thực hiện có hiệu quả tin học hóa trong KCB và thanh toán BHYT.

- Thực hiện đánh giá tác động mỗi khi có điều chỉnh giá để báo cáo cấp trên, đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước - cơ sở khám chữa bệnh - người bệnh.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, dịch vụ; nâng cao trình độ, nghiệp vụ cán bộ ngành BHXH. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức thực hiện công tác giám định BHYT, kết hợp với phát triển nguồn nhân lực đủ mạnh, đáp ứng với khối lượng công việc đang ngày càng tăng.

- Tăng cường giám định nội bộ; tập huấn quy định thanh toán; xử lý nghiêm minh, công khai vi phạm.

Trên đây là nội dung báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 của Quốc hội giai đoạn 2013-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như trên (báo cáo);
- UBND tỉnh (thay b/cáo);
- BGĐ Sở Y tế;
- BHXH tỉnh;
- Các phòng chức năng SYT;
- Lưu: VT, NVY. ttiep.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lưu Thị Bình

Phụ lục 1.**DANH MỤC VĂN BẢN TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ BHYT**

(kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

1. Văn bản của Tỉnh ủy

- Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 18/01/2013 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT.

- Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 15/01/2016 về thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Chỉ thị số 17-CT/TU 05/4/2022 Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 30/5/2013 thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT, giai đoạn 2012 - 2020”.

- Thông báo số 813-TB/TU ngày 03/5/2013 của Thường trực Tỉnh ủy về việc triển khai Nghị quyết số 21 và hỗ trợ mức đóng BHYT cho đối tượng thuộc hộ cận nghèo.

1.2. Văn bản của HĐND tỉnh và UBND tỉnh

- Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 06/8/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 29/4/2014 quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 sửa đổi Khoản 5, Điều 4, Nghị quyết 06/2014/NQ-HĐND tỉnh ngày 29/4/2014.

- Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định tại Nghị định số: 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định tại Nghị quyết số: 40/NQ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ cho đối tượng thuộc hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác từ năm 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt bảo hiểm y tế) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định mức hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế quy định tại nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ(*thay thế Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 và Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017*).

- Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người thuộc hộ gia đình nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (thay thế Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 06/8/2013 và Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018).

- Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (trong đó quy định Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Nghị quyết về phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017, 2018,2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025 (*đưa chỉ tiêu bao phủ BHYT trên địa bàn tỉnh*).

- Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 27/10/2009 về việc triển khai Luật BHYT.

- Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 21-Ctr/TU của Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Nghị Quyết số 21.

- Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện BHYT giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2016 -2020 theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách thẻ BHYT cho các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT và BHTN tỉnh Bắc Kạn.

Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 Giao dự toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020.

- Kế hoạch số 431/KH-UBND ngày 29/12/2014 về việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT.

- Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 06/10/2015 về việc lập danh sách đối tượng tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 08/7/2016 về việc Kế hoạch truyền thông về BHYT giai đoạn 2016 - 2020.

Kế hoạch số 363/KH-UBND ngày 17/6/2021 Triển khai chính sách BHYT theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 14/6/2022 Thực hiện Quyết định số 546/QĐ-TTg của Thủ tướng CP về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 514/UBND -VX ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về việc đề nghị gia hạn thẻ BHYT năm 2015 cho các đối tượng chính sách xã hội;

- Văn bản số 3930/UBND -KGVX ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý, sử dụng Quỹ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh

- Văn bản số 2585/UBND-KGVX ngày 08/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai các biện pháp tăng tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 4894/UBND-KGVX ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp mã số bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Công văn số 8889/UBND-VXNV ngày 30/12/2022 Triển khai Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 05/4/2022 của BTV Tỉnh ủy về cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh.

Công văn số 7187/PC-UBND ngày 25/10/2023 Triển khai thực hiện Nghị định số 75/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT.

Văn bản số 128/HĐND-VP ngày 31/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực y tế

Công văn số 579/UBND-KGVX ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Công văn số 1236/UBND-KGVX ngày 01/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tham mưu xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực Y tế.

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách BHYT có liên quan.

Phụ lục 2. BẢNG SỐ LIỆU

(kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

Bảng 1. Số người tham gia BHYT theo nhóm đối tượng

ST T	Nhóm đối tượng	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 20...		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Số đối tượng tham gia BHYT
1.	Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng	123.955	173.133	218.787	224.736	241.533	254.208	252.763	242.634	230.018	232.370	233.079	240.410	250.660	123.955	173.133	218.787	224.736	241.533
1.1	Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên; người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và người quản lý điều hành hợp tác xã hưởng tiền lương; cán bộ, công chức, viên chức	123.650	169.911	215.065	220.387	237.427	251.381	250.471	240.784	228.695	231.072	231.950	239.507	249.757	123.650	169.911	215.065	220.387	237.427
1.2	Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật	305	3.222	3.722	4.349	4.106	2.827	2.292	1.850	1.323	1.298	1.129	903	903	305	3.222	3.722	4.349	4.106
2.	Nhóm do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng	69.585	71.428	72.458	74.491	75.815	78.138	78.772	80.610	88.738	86.939	87.495	86.714	84.892	69.585	71.428	72.458	74.491	75.815
2.1	Người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng	68.224	70.167	70.429	72.287	73.838	75.022	75.412	76.242	76.476	76.308	76.137	76.195	76.555	68.224	70.167	70.429	72.287	73.838
2.2	Người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ.	97	112	116	117	119	112	122	119	122	127	135	138	135	97	112	116	117	119

2.3 ·	Người lao động nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành.	3	4	15	13	25	35	45	65	48	46	49	45	36	3	4	15	13	25
2.4 ·	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng.	314	300	295	293	288	279	173	182	164	163	156	243	232	314	300	295	293	288
2.5 ·	Người lao động trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.	-	-	-	-	-	-	-	-	7.471	5.029	5.940	5.663	4.101	-	-	-	-	-
2.6 ·	Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.	947	845	1.603	1.781	1.545	2.690	3.020	4.002	4.457	5.266	5.078	4.430	3.833	947	845	1.603	1.781	1.545
3.	Nhóm do ngân sách nhà nước đóng	761.740	735.811	758.460	800.218	795.707	795.773	772.893	766.913	558.102	573.738	794.906	798.219	792.175	761.740	735.811	758.460	800.218	795.707
3.1 ·	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước.	799	768	690	593	518	484	437	411	374	340	294	265	245	799	768	690	593	518
3.2 ·	Người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước.	-	-	2.064	2.063	2.052	2.020	1.987	1.937	1.904	1.852	1.779	1.720	1.688	-	-	2.064	2.063	2.052
3.3 ·	Người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.	24.972	22.951	21.784	20.509	23.987	22.317	21.511	20.889	16.783	16.000	14.295	13.714	13.305	24.972	22.951	21.784	20.509	23.987
3.4 ·	Cựu chiến binh	8.532	7.462	7.454	7.203	6.958	7.759	24.841	24.988	25.895	25.704	24.899	24.555	24.334	8.532	7.462	7.454	7.203	6.958
3.5 ·	Người tham gia kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc	2.279	8.965	17.402	20.556	22.457	24.048	8.225	8.278	9.069	9.018	8.772	8.761	8.678	2.279	8.965	17.402	20.556	22.457
3.6 ·	Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm	3.631	3.529	3.380	2.724	2.545	2.469	2.405	2.344	1.973	2.020	1.995	1.936	1.898	3.631	3.529	3.380	2.724	2.545
3.7 ·	Trẻ em dưới 6 tuổi.	173.304	171.349	175.825	179.551	180.895	173.979	171.778	170.714	163.759	156.458	146.831	141.909	148.635	173.304	171.349	175.825	179.551	180.895

3.8 .	Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật về người cao tuổi, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội.	24.384	26.899	29.004	29.556	24.348	24.499	25.012	25.822	34.095	34.187	32.547	32.973	32.935	24.384	26.899	29.004	29.556	24.348
3.9 .	Người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo và một số đối tượng khác	511.557	479.423	482.934	518.382	509.977	497.160	474.713	469.528	260.419	280.077	257.107	232.954	219.717	511.557	479.423	482.934	518.382	509.977
3.9 .1.	Người thuộc hộ gia đình nghèo theo tiêu chí về thu nhập, người thuộc hộ nghèo đa chiều có thiếu hụt về bảo hiểm y tế quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn nghèo áp dụng cho từng giai đoạn;	30.482	92.461	29.433	112.622	98.589	60.035	47.527	37.510	36.167	60.674	48.971	39.079	32.584	30.482	92.461	29.433	112.622	98.589
3.9 .2.	Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;	176.730	100.053	129.659	337.466	362.137	386.254	375.578	379.360	209.248	203.784	192.889	179.528	175.340	176.730	100.053	129.659	337.466	362.137
3.9 .3.	Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng	2.632	2.730	2.877	68.294	49.251	50.871	51.608	52.658	15.004	15.619	15.247	14.347	11.793	2.632	2.730	2.877	68.294	49.251

	Chính phủ;																		
3.9 4.	Người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1 0.	Người được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú thuộc hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người hằng tháng thấp hơn mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1 1.	Thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ	5.814	8.499	9.225	9.341	8.973	8.697	8.511	8.337	8.743	8.726	8.275	8.068	7.931	5.814	8.499	9.225	9.341	8.973
3.1 2.	Thân nhân của người có công với cách mạng trừ các đối tượng quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1 3.	Thân nhân của sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ quân đội đang tại ngũ, sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ và sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn, kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân, học viên công an nhân dân, hạ sỹ quan, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, học viên cơ yếu được hưởng chế độ, chính sách theo chế độ, chính sách đối với học viên ở các trường quân đội, công an	5.135	5.439	6.178	6.801	9.480	28.670	30.345	30.897	32.145	36.323	34.720	35.055	34.840	5.135	5.439	6.178	6.801	9.480

3.1 4.	Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật về hiến ghép mô tạng	1	-	-	4	11	14	19	23	30	33	35	41	41	1	-	-	4	11
3.1 5.	Người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ ngân sách của Nhà nước Việt Nam.	1.332	527	959	1.224	1.713	1.846	1.285	933	1.081	1.208	1.081	1.007	1.003	1.332	527	959	1.224	1.713
3.1 6.	Người phục vụ người có công với cách mạng sống ở gia đình	-	-	-	-	-	-	1	1	1	1	2	2	1	-	-	-	-	-
3.1 7.	Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.	-	-	1.561	1.711	1.793	1.811	1.823	1.811	1.831	1.791	1.429	1.464	1.410	-	-	1.561	1.711	1.793
3.1 8	Người dân các xã an toàn khu, vùng an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ hiện đang thường trú tại các xã an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú mà không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế.”	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	260.845	293.795	295.514	-	-	-	-	-
4.	Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng	231.528	221.135	218.794	204.002	193.576	186.860	193.344	197.820	282.406	292.865	252.608	279.389	257.352	231.528	221.135	218.794	204.002	193.576
4.1 ·	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	63.644	67.299	66.670	49.384	42.334	31.583	28.067	22.500	34.810	35.884	14.396	11.111	9.001	63.644	67.299	66.670	49.384	42.334
4.2 ·	Người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định	-	-	-	-	-	654	267	144	150	8	-	6	46	-	-	-	-	-

[illegible]

[illegible]

6.3 .	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, bao gồm đối tượng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 13 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP																		
	TỔNG CỘNG:	1.309.560	1.328.473	1.405.902	1.476.241	1.509.738	1.524.941	1.521.838	1.522.852	1.525.844	1.540.155	1.549.485	1.612.160	1.593.584	1.309.560	1.328.473	1.405.902	1.476.241	1.509.738

Bảng số 2. Thống kê tình hình hỗ trợ thêm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

STT	Năm	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP	Học sinh, sinh viên.	Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình
1	2018	31.583	654	9107	592
2	2019	28.067	267	9.610	1.059
3	2020	22.500	144	10.262	1.253
4	2021	34.810	150	17.460	3.206
5	2022	35.884	8	18.767	3.603
6	2023	14.396	0	16.800	2.078
7	2024	11.111	6	12.890	1.506
8	6 tháng đầu năm 2025	9.001	46	11.475	1.475